TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/DS-ST
Ngày: 22-11-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thành Anh Tiến

2. Bà Hồ Thị Loan.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N N V P T N T V N (A)
Địa chỉ: Số 02 L H, phường T C, quận B Đ, thành phố Hà Nội.
Đại diện theo pháp luật: Ông P T V; Chức vụ: Tổng Giám Đốc.
Đại diện theo ủy quyền: Ông N V V; Chức vụ: Giám đốc - Chi nhánh thị xã K T, tỉnh Long An.
Đại diện theo ủy quyền: Ông T T P, địa chỉ: Phường 1, thị xã K T, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn: Ông Trịnh M T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp B T, xã B H T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Từ T T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp B T, xã B H T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2023 và tại phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng Atrình bày: Vào ngày 11 tháng 5 năm 2021, Ngân hàng N N V P T N T V N (A) - Chi nhánh thị xã K T, tỉnh Long An có ký hợp đồng tín dụng số 6606LAV202101048 khoản vay để phục vụ hoạt động kinh doanh với ông Trịnh M T và bà Từ T T số tiền vay gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng, lãi suất thỏa thuận là 10.5%/ năm, thay đổi 03 tháng/lần; Vay không có bảo đảm bằng tài sản. Tuy nhiên, ông Trịnh M T và bà Từ T T tự nguyện giao hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trịnh M T cho Ngân hàng A giữ hộ bảo đảm cho khoản vay bao gồm: Thửa số 1183, tờ bản đồ số 13, đất ở nông thôn, diện tích 100m^2, số CO465496 cấp ngày 22/02/2019; Thửa số 1975, tờ bản đồ số 13, đất bằng trồng cây hằng năm khác, diện tích 45m^2, số AK002475 cấp ngày 13/9/2007.

Khi đến hạn trả nợ, Ngân hàng A đã yêu cầu rất nhiều lần nhưng ông Trịnh M T và bà Từ T T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông Trịnh M T và bà Từ T T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số nợ gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và lãi tính đến ngày 22/11/2023 là 43.959.719 (bốn mươi ba triệu chín trăm năm mươi chín ngàn bảy trăm mười chín) đồng, trong đó lãi trong hạn 36.482.191 (ba mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn một trăm chín mươi mốt) đồng, lãi quá hạn 6.154.520 (sáu triệu một trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm hai mươi) đồng; lãi phạt chậm trả lãi 1.323.008 (một triệu ba trăm hai mươi ba ngàn không trăm lẻ tám) đồng, tổng cộng là 243.959.719 (hai trăm bốn mươi triệu chín trăm năm mươi chín ngàn bảy trăm mười chín) đồng và lãi suất được tiếp tục tính cho đến khi thanh toán xong nợ và lãi phạt chậm trả theo hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông Trịnh M T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Từ T T đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án nhiều lần triệu tập và tiến hành mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T và bà T vắng mặt không có lý do nên không có lời khai. Do đó Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 6606LAV202101048 ngày 11/5/2021 do nguyên đơn cung cấp; Nội dung của hợp đồng có thỏa thuận về việc vay số tiền vay, lãi suất cho vay, thời gian và phương

thức trả tiền vay. Trong đó, bên cho vay là tổ chức tín dụng, bên vay là cá nhân nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nên quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm, vì vậy nguyên đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi cư trú tại ấp B T, xã B H T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về việc giải quyết vắng mặt ông Trịnh M T và bà Từ T T: Ông Trịnh M T và bà Từ T T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T và bà T.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không có đương sự yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu đối với tranh chấp. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông Trịnh M T và bà Từ T T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số nợ gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và lãi tính đến ngày 22/11/2023 là 43.959.719 (bốn mươi ba triệu chín trăm năm mươi chín ngàn bảy trăm mười chín) đồng, trong đó lãi trong hạn 36.482.191 (ba mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn một trăm chín mươi mốt) đồng, lãi quá hạn 6.154.520 (sáu triệu một trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm hai mươi) đồng; lãi phạt chậm trả lãi 1.323.008 (một triệu ba trăm hai mươi ba ngàn không trăm lẻ tám) đồng, tổng cộng là 243.959.719 (hai trăm bốn mươi triệu chín trăm năm mươi chín ngàn bảy trăm mười chín) đồng.

Tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 6606LAV202101048 ngày 11/5/2021 có chữ ký và chữ viết họ và tên Trịnh M T, Từ T T trong đó có các nội dung thỏa thuận giữa Ngân hàng A với ông Trịnh M T, bà Từ T T như: số tiền, lãi suất, thời hạn trả tiền, mục đích sử dụng vốn, quyền và nghĩa vụ của các bên và các thỏa thuận khác.

[5.1] Xét nội dung và hình thức của giao dịch giữa các bên theo Hợp đồng tín dụng số 6606LAV202101048 ngày 11/5/2021 đều đảm bảo quy định tại điều 119 và điều 398 Bộ luật dân sự 2015, được xác định là hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng với cá nhân mà bản chất là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, quy định: “Hợp đồng vay tài sản

là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".

[5.2] Ông Trịnh M T và bà Từ T T là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng tín dụng số 6606LAV202101048 ngày 11/5/2021 là sự tự nguyện của ông T, bà T. Thì trả nợ gốc và lãi như đã cam kết trong hợp đồng mà hai bên thỏa thuận trả gốc và lãi là 3 (ba) kỳ, kỳ 1 vào ngày 11/5/2022 trả 60.000.000đ, kỳ 2 vào ngày 11/5/2023 trả 60.000.000đ, kỳ 3 vào ngày 11/5/2023 trả 80.000.000đ. Nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn là đã vi phạm quy định của Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng A. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu ông Trịnh M T và bà Từ T T phải có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số tiền nợ gốc cho Ngân hàng A là có cơ sở, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Về lãi suất: Ngân hàng A yêu cầu ông Trịnh M T và bà Từ T T phải thanh toán nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả là có căn cứ đúng với Điều 91 Luật tổ chức tín dụng nên được chấp nhận,

[7] Về nghĩa vụ trả nợ: Tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 6606LAV202101048 ngày 11/5/2021 có chữ ký và chữ viết họ và tên Trịnh M T, Từ T T. Do đó, Ngân hàng A khởi kiện ông Trịnh M T, bà Từ T T và yêu cầu ông T, bà T có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc và lãi. Do đó trong vụ án này Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm liên đới trả nợ của ông Trịnh M T và bà Từ T T là phù hợp.

[8] Đối với yêu cầu xử lý tài sản giữ hộ: Ngân hàng A yêu cầu xử lý tài sản giữ hộ của ông Trịnh M T và Bà Từ T T là hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trịnh M T tại các thửa đất: Thửa số 1183, tờ bản đồ số 13, đất ở nông thôn, diện tích 100m^2, số CO465496 cấp ngày 22/02/2019; Thửa số 1975, tờ bản đồ số 13, đất bằng trồng cây hằng năm khác, diện tích 45m^2, số AK002475 cấp ngày 13/9/2007 trong trường hợp ông T, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Theo Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 6606LAV202101048 ngày 11/5/2021 quy định: "Cho vay không có bảo đảm bằng tài sản" và các bên cũng không có thoả thuận nào khác về việc thế chấp tài sản. Do đó hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trịnh M T tại các thửa đất: Thửa số 1183, tờ bản đồ số 13, đất ở nông thôn, diện tích 100m^2, số CO465496 cấp ngày 22/02/2019; Thửa số 1975, tờ bản đồ số 13, đất bằng trồng cây hằng năm khác, diện tích 45m^2, số AK002475 cấp ngày 13/9/2007 không phải là tài sản thế chấp. Ngân hàng A yêu cầu xử lý tài sản giữ hộ khi ông T, bà T

không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là không có căn cứ chấp nhận.

[9] Đối với bị đơn ông Trịnh M T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Từ T T không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trịnh M T và bà Từ T T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền số nợ gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và lãi trong hạn 36.482.191 (ba mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn một trăm chín mươi mốt) đồng, lãi quá hạn 6.154.520 (sáu triệu một trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm hai mươi) đồng, lãi phạt chậm trả là 1.323.008. Tổng cộng là 243.959.719 (hai trăm bốn mươi ba triệu chín trăm năm mươi chín ngàn bảy trăm mười chín) đồng.

[11] Kể từ ngày 22/11/2023, ông Trịnh M T và bà Từ T T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 6606LAV202101048 ngày 11/5/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng A.

[12] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Trịnh M T và bà Từ T T có nghĩa vụ chịu dân sự sơ thẩm. Ngân hàng A phải chịu án phí do một phần yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 184, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự; các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Buộc ông Trịnh M T và bà Từ T T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 22/11/2023 là 243.959.719 (hai trăm bốn mươi triệu chín trăm năm mươi chín ngàn bảy trăm mười chín) đồng.

2. Kể từ ngày 22/11/2023, Ông trịnh M T và bà Từ T T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số 6606LAV202101048 ngày 11/5/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng A.

4. Về án phí, căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội:

4.1. Buộc ông Trịnh M T và bà Từ T T phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 12.198.000 (mười hai triệu một trăm chín mươi tám ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Ngân hàng A không phải chịu án phí nên được hoàn trả cho số tiền 5.794.394 (năm triệu bảy trăm chính mươi bốn ngàn ba trăm chín mươi bốn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008622 ngày 24 tháng 08 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khởi